

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 337/2023/HC-PT

Ngày: 22/5/2023

*Yêu cầu hủy quyết định cấp giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất và hủy Kết luận
trả lời đơn kiến nghị*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà;

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Mai;

Ông Phạm Đình Khánh.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Vĩnh, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 22 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 209/2023/TLPT-HC ngày 03 tháng 3 năm 2023 về việc “Yêu cầu hủy quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hủy Kết luận trả lời đơn kiến nghị” do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 42/2022/HCST ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh BN.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4901/2023/QĐ-PT ngày 08 tháng 5 năm 2023 giữa:

*** Người khởi kiện:** Ông Lê Đình H1 sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn XL, xã XL, huyện GB, tỉnh BN (Có mặt).

Đại diện theo ủy quyền của ông H1: Ông Nguyễn Tiến K1 sinh năm 1959, ông Nguyễn Kim T1 sinh năm 1960, ông Quách Cảnh Y1 sinh năm 1958 và ông Lê Đình K2 sinh năm 1955; Cùng địa chỉ: Thôn XL, xã XL, huyện GB, tỉnh BN (Đều có mặt).

*** Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện GB, tỉnh BN và Chủ tịch UBND huyện GB, tỉnh BN.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Bá T2 – chức vụ: Phó Chủ tịch (Có mặt).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. UBND xã XL, huyện GB, tỉnh BN;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H2 - chức vụ: Chủ tịch (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1979, chị Lê Thị N1, sinh năm 1999 và chị Lê Thị H3, sinh năm 2005; Cùng địa chỉ: Thôn XL, xã XL, huyện GB, tỉnh BN (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền của bà D1, chị N1 và chị H3: Ông Nguyễn Tiến K1 sinh năm 1959, ông Nguyễn Kim T1 sinh năm 1960, ông Quách Cảnh Y1 sinh năm 1958 và ông Lê Đình K2 sinh năm 1955; Cùng địa chỉ: Thôn XL, xã XL, huyện GB, tỉnh BN (Đều có mặt).

Người kháng cáo: Ông Lê Đình H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, người khởi kiện và đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện thống nhất trình bày như sau:

Gia đình ông Lê Đình H1 có diện tích 249m² đất, thửa đất số 524, 526, tờ bản đồ số 05 tại thôn XL, xã XL, huyện GB. Nguồn gốc đất của gia đình ông H1 nêu trên là được bố mẹ ông H1 giao cho từ năm 2001. Diện tích 239m² có một phần là đất lịch sử là đất ao do ông cha để lại trước năm 1980 và 80m² là được thôn XL giao bán năm 1992. Hiện trạng sử dụng đất gia đình ông H1 đã sử dụng để làm nhà từ năm 2000, không có hiện trạng ao. Năm 2009 ông H1 đã được UBND huyện GB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) diện tích 239m² này, trong đó 80m² là đất ở và 159m² là đất ao.

Năm 2017, vợ chồng ông H1 nhận chuyển nhượng 10m² đất ở của ông Luận theo hợp đồng chuyển nhượng. Đến ngày 18/5/2017, vợ chồng ông H1 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh BN cấp lại GCNQSDĐ diện tích 249m², trong đó 90m² là đất ở và 159m² là đất nuôi trồng thủy sản. Từ khi được giao đất và được cấp GCNQSDĐ, gia đình ông H1 sử dụng ổn định, không có tranh chấp với ai và hàng năm đều đóng thuế đất phi nông nghiệp đầy đủ với địa phương.

Từ năm 2017-2018, người dân thôn XL đồng loạt kiến nghị đến chính quyền yêu cầu xem xét cấp lại GCNQSDĐ là đất ở thì ông H1 cũng có kiến nghị theo để yêu cầu cấp toàn bộ 249m² là đất ở.

Ngày 28/9/2020, Chủ tịch UBND huyện GB ban hành Kết luận số 71/KL-UBND giải quyết xét cấp GCNQSDĐ cho hộ ông H1: Kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh thu hồi GCNQSDĐ đã cấp cho hộ ông H1 năm 2017; sau khi thu hồi kê khai xác định đúng nguồn gốc đất để làm thủ tục cấp GCNQSDĐ. Hộ thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định pháp luật. Ngày

29/01/2021, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành Quyết định số 53/QĐ-STNMT về việc thu hồi GCNQSDĐ đã cấp cho hộ ông Lê Đình H1.

Không đồng ý với việc phải thực hiện nghĩa vụ tài chính, ông H1 tiếp tục kiến nghị. Tại Kết luận số 68/KL-UBND ngày 21/01/2022 của Chủ tịch UBND huyện GB vẫn giữ nguyên việc cấp GCNQSDĐ theo nội dung Kết luận số 71; người sử dụng đất phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

Gia đình ông H1 không đồng ý với nội dung phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo Kết luận 71 và Kết luận số 68, yêu cầu phải cấp toàn bộ 249m² là đất ở.

Nay ông H1 khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết:

- Hủy Kết luận số 68/KL-UBND ngày 21/01/2022 của Chủ tịch UBND huyện GB về việc giải quyết đơn kiến nghị của ông Lê Đình H1 thôn XL, xã XL.

- Hủy Quyết định số 897/QĐ-UBND ngày 14/8/2009 của UBND huyện GB về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất của gia đình ông Lê Đình H1.

- Yêu cầu UBND huyện GB phải cấp lại cho gia đình ông Lê Đình H1 tất cả diện tích 249m² là đất ở nông thôn tại thôn XL, xã XL, huyện GB.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía người khởi kiện có cùng quan điểm với người khởi kiện.

Quan điểm của Ủy ban nhân dân huyện GB, tỉnh BN và Chủ tịch UBND huyện GB, tỉnh BN về việc giải quyết vụ án:

Đất hộ ông H1 sử dụng trong khu dân cư thôn XL có diện tích 239m², trong đó có 80m² đất do thôn XL giao bán cho hộ thời điểm 1992-1993. Năm 2009, ông H1 được UBND huyện cấp GCNQSDĐ với tổng diện tích là 239m², cho thửa số 524 (159m² đất ao) và thửa 559 (80m² đất ở). Năm 2017, ông H1 nhận chuyển nhượng 10m² đất ở của ông L1 và được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp GCNQSDĐ ngày 18/5/2017 cho thửa đất số 685, tờ bản đồ số 05, diện tích 249m² (Đất ở 90m², Đất nuôi trồng thủy sản 159m²).

+ Về trình tự, thủ tục thực hiện việc kê khai, đăng ký, xét duyệt, cấp GCNQSDĐ cho hộ ông H1 thời điểm năm 2001:

Trình tự thủ tục thực hiện việc kê khai, đăng ký, xét duyệt, cấp GCNQSDĐ thời điểm năm 2009 cho hộ ông H1 được thực hiện theo Luật Đất đai năm 2003; Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 và Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính Phủ.

Thời điểm cấp GCNQSDĐ cho ông H1 năm 2009, do hộ ông H1 không có giấy tờ hợp lệ theo quy định tại Điều 50 Luật Đất đai năm 2003 nên căn cứ vào hồ sơ kê khai, đăng ký, xét duyệt theo trình tự thủ tục quy định tại Nghị định số 181/2004/NĐ-CP, việc UBND huyện cấp GCNQSDĐ tại thửa số 524 (diện tích 159m² đất ao) và thửa số 526 (diện tích 80m² đất thổ cư) cho hộ ông

H1 là phù hợp với hiện trạng sử dụng đất và quy định của pháp luật về đất đai ở tại thời điểm đó.

Như vậy: Việc UBND huyện GB ban hành Quyết định số 897/QĐ-UBND ngày 14/8/2009 về việc cấp GCNQSDĐ cho các hộ gia đình, cá nhân tại xã XL trong đó hộ ông H1 được cấp GCN là 239m², cho thửa số 524 (159m² đất ao) và thửa 559 (80m² đất ở) là đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật về đất đai tại thời điểm đó.

Ngày 28/9/2020, UBND huyện GB ban hành Kết luận số 71/KL-UBND về việc giải quyết đơn phản ánh, kiến nghị của ông Lê Đình H1 thôn XL, xã XL, theo đó kết luận xử lý: Kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường thu hồi GCNQSDĐ đã cấp cho hộ ông H1 theo điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013. Sau khi thu hồi GCNQSDĐ đã cấp: Ông H1 thực hiện việc kê khai, đề nghị cấp GCNQSDĐ cho hộ theo Luật Đất đai năm 2013; UBND xã XL có trách nhiệm xác định đúng nguồn gốc sử dụng đất. Hộ phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, khi thực hiện Kết luận, hộ ông H1 không cung cấp được chứng từ, chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ tài chính nên không thực hiện được việc cấp GCN.

Ngày 30/10/2020, UBND huyện có Văn bản số 799/UBND-TNMT về việc xin ý kiến hướng dẫn của UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường và Cục Thuế tỉnh. Ngày 19/11/2020, Cục Thuế tỉnh có Văn bản số 3531/CTBNI-HKDCN về việc cấp lại GCNQSDĐ trên địa bàn huyện GB; Ngày 23/9/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường có Văn bản số 1420/CV-STNMT về việc liên quan đến kiến nghị của một số công dân thôn XL, xã XL. Tại văn bản này, Sở Tài nguyên và Môi trường có định hướng, chỉ đạo về chuyên môn, nghiệp vụ để giải quyết đơn kiến nghị của công dân.

Ngày 19/10/2021, Chủ tịch UBND huyện GB ban hành Quyết định số 1415/QĐ-UBND về việc thành lập Tổ công tác kiểm tra, rà soát tham mưu giải quyết đơn kiến nghị của một số công dân thôn XL, xã XL.

+ Kiểm tra, xác minh bổ sung, kết quả như sau:

1. Về việc kê khai trong Đơn đề nghị cấp GCN

Ngày 10/12/2008, ông H1 làm đơn xin cấp GCNQSDĐ 02 thửa đất số 524 và 526, tờ bản đồ số 05, với tổng diện tích 239m², mục đích sử dụng: Đất ở, đất ao; thời hạn sử dụng: Lâu dài; nguồn gốc thửa đất: Đất cha, ông; được UBND xã XL xác nhận ngày 20/02/2009.

Ngày 29/3/2009, Hội đồng đăng ký đất đai xã XL tổ chức xét duyệt, UBND xã XL có Tờ trình số 23/TTr-UB, trình UBND huyện GB cấp GCNQSDĐ cho các hộ gia đình, cá nhân tại xã XL, trong đó hộ ông H1 được

đề nghị cấp GCNQSDĐ, gồm thửa 524 diện tích 159m² mục đích sử dụng đất ao, thửa số 526 diện tích 80m² mục đích sử dụng đất ở.

Trên cơ sở thẩm định và đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường, ngày 14/8/2009 UBND huyện ký Quyết định số 897/QĐ-UBND, về việc cấp GCNQSDĐ cho các hộ gia đình, cá nhân tại xã XL, trong đó ông H1 được cấp GCN, gồm thửa đất số 524, tờ bản đồ số 05, diện tích 159m² mục đích sử dụng đất ao, thửa số 526 diện tích 80m² mục đích sử dụng đất ở.

Việc ông H1 kê khai thửa đất số 526, diện tích 80m² có nguồn gốc sử dụng là đất cha ông là không đúng. Thực chất diện tích đất trên là do thôn XL giao bán cho hộ thời điểm năm 1992-1993. Do ông H1 kê khai nguồn gốc sử dụng đất do cha ông để lại, nên ông đã không phải nộp tiền sử dụng đất khi được xét cấp GCNQSDĐ năm 2009. Năm 2017, ông H1 nhận chuyển nhượng 10m² đất ở của ông Luận, ngày 18/5/2017 Sở Tài nguyên và Môi trường cấp GCN cho thửa đất số 685, tờ bản đồ số 05, diện tích 249m² (Đất ở: 90m², Đất nuôi trồng thủy sản: 159m²).

2. Về việc nộp, lưu trữ hồ sơ, giấy tờ liên quan đến nguồn gốc sử dụng đất

Thời điểm năm 2009, khi kê khai, đề nghị cấp GCNQSDĐ, ông H1 không nộp hồ sơ, giấy tờ, chứng từ liên quan đến nguồn gốc sử dụng đất về thôn xã. UBND xã XL không thu giữ hồ sơ, giấy tờ, chứng từ liên quan đến nguồn gốc sử dụng đất của các thửa đất có nguồn gốc được HTX giao hay thôn, xã giao bán trái thẩm quyền. Phòng Địa chính thời điểm đó không thu giữ hồ sơ, giấy tờ, chứng từ liên quan đến nguồn gốc sử dụng đất của diện tích đất có nguồn gốc được HTX giao hay thôn, xã giao bán trái thẩm quyền nêu trên.

3. Cơ sở pháp lý để xác định việc hộ đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính

Hiện không có đầy đủ hồ sơ, sổ sách, chứng từ để khẳng định việc hộ đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính khi được giao đất trái thẩm quyền ở thời điểm trước đây. Do ông H1 kê khai sai nguồn gốc sử dụng đất do cha ông để lại nên ông không phải nộp tiền sử dụng đất khi được xét cấp GCNQSDĐ năm 2009.

Từ kết quả kiểm tra, xác minh trên của Tổ công tác; căn cứ quy định của pháp luật về đất đai và các văn bản pháp lý hiện hành. Ngày 21/02/2021, UBND huyện GB đã có Kết luận số 68/KL-UBND xử lý nội dung kiến nghị của công dân như sau:

- Cấp GCNQSDĐ cho ông Lê Đình H1 tại thửa số 685, tờ bản đồ số 05, xã XL theo nội dung Kết luận thanh tra số 71/KL-UBND ngày 28/9/2020 của UBND huyện; người sử dụng đất phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

- Nếu vướng mắc về việc thực hiện nghĩa vụ tài chính khi cấp GCNQSDĐ cho hộ theo nội dung Kết luận thanh tra, người sử dụng đất có thể đề nghị cấp lại GCNQSDĐ theo Quyết định cấp GCN trước đây.

Như vậy: Việc UBND huyện GB ban hành Kết luận số 68/KL-UBND ngày 21/01/2022 về việc giải quyết đơn kiến nghị của ông Lê Đình H1 thôn XL, xã XL là đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về giải quyết đơn kiến nghị của công dân và các văn bản pháp luật về đất đai như: Luật Đất đai năm 2003, Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004, Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính Phủ; Luật Đất đai năm 2013; Quyết định số 11/2018/QĐ-UBND ngày 05/6/2018 của UBND tỉnh BN và các văn bản pháp lý hiện hành. Việc ông Lê Đình H1 yêu cầu UBND huyện GB phải cấp cho gia đình ông 249m² đất ở là không có căn cứ pháp lý, không đúng với quy định hiện hành của nhà nước về cấp GCNQSDĐ. Vì không có cơ sở pháp lý để xác định việc hộ ông H1 đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính khi được giao đất trái thẩm quyền ở thời điểm trước đây.

UBND huyện GB đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Lê Đình H1.

Đại diện UBND xã XL vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã có văn bản trình bày: Đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật, tạo điều kiện để cho công dân được cấp GCNQSDĐ đảm bảo tình hình tại địa phương.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 42/2022/HCST ngày 01 tháng 12 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh BN đã quyết định:

Áp dụng các Điều 30, Điều 32, Điều 115, Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật Khiếu nại năm 2011, Luật Đất đai năm 2003; Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 181/2004/NĐ-CP, ngày 29/10/2004, Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính Phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đình H1, cụ thể:

- Bác yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số 897/QĐ-UBND ngày 14/8/2009 của UBND huyện GB về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất của gia đình ông Lê Đình H1.

- Bác yêu cầu khởi kiện về việc Hủy Kết luận số 68/KL-UBND ngày 21/01/2022 của Chủ tịch UBND huyện GB về việc giải quyết đơn kiến nghị của ông Lê Đình H1, thôn XL, xã XL.

- Bác yêu cầu khởi kiện về việc Yêu cầu UBND huyện GB phải cấp cho gia đình ông Lê Đình H1 tất cả diện tích 249m² là đất ở nông thôn tại thôn XL, xã XL, huyện GB mà không phải thực hiện nghĩa vụ tài chính.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo

quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 01/12/2022, người khởi kiện là ông Lê Đình H1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, phía người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

Sau khi phân tích tài liệu có trong hồ sơ thì thấy Tòa án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đình H1 là đúng quy định. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía người khởi kiện không xuất trình được tài liệu mới bảo vệ cho quan điểm của mình nên không có căn cứ để xem xét kháng cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Ngày 21/01/2022, Chủ tịch UBND huyện GB ban hành Kết luận số 68/KL-UBND về việc giải quyết đơn kiến nghị của ông Lê Đình H1, thôn XL, xã XL. Ngày 20/4/2022, ông Lê Đình H1 có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết. Tòa án nhân dân tỉnh BN thụ lý giải quyết vụ án và xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “*Yêu cầu hủy quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hủy Kết luận trả lời đơn kiến nghị*” là đúng thẩm quyền và trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại các Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[1.2] Bản án sơ thẩm xác định về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, về quyết định hành chính liên quan, về tư cách những người tham gia tố tụng trong vụ án đúng quy định pháp luật. Việc chứng minh, thu thập chứng cứ đã được thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định tại chương VI Luật Tổ tụng hành chính. Đơn kháng cáo của ông Lê Đình H1 trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.3]. Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là UBND xã XL có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính Hội đồng quyết định xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Tại phần tranh luận người khởi kiện và những người đại diện theo ủy quyền bỏ về và từ bỏ quyền tranh luận. Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2]. Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá tính hợp pháp của quyết định hành chính bị khiếu kiện, theo đó:

[2.1]. Kết luận số 68/KL-UBND ngày 21/01/2022 của Chủ tịch UBND huyện GB về việc giải quyết đơn kiến nghị của ông Lê Đình H1, thôn XL, xã XL và Quyết định số 897/QĐ-UBND ngày 14/8/2009 của UBND huyện GB về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất của gia đình ông Lê Đình H1 được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

[2.2]. Về nội dung:

Năm 2009, hộ ông Lê Đình H1 được UBND huyện GB cấp GCNQSDĐ thửa số 524, diện tích 159m² đất ao và thửa số 559, diện tích 80m² đất ở. Năm 2017, vợ chồng ông H1 nhận chuyển nhượng 10m² đất ở của ông L1 theo hợp đồng chuyển nhượng; đến ngày 18/5/2017 vợ chồng ông H1 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh BN cấp lại GCNQSDĐ diện tích 249m², trong đó 90m² là đất ở và 159m² là đất ao.

Nay ông H1 cho rằng năm 2009 UBND huyện GB cấp thửa số 524, diện tích 159m² đất ao là không đúng; đối với thửa số 559, diện tích 80m² khi bố mẹ ông mua là đất ở nên năm 2009 cũng đã được cấp GCNQSDĐ là đất ở. Quyết định số 897 của UBND huyện GB cấp GCNQSDĐ đối với đất của gia đình ông là không đúng và ông yêu cầu phải cấp lại cho ông tổng diện tích 249m² là đất ở nông thôn. HĐXX thấy:

+ Đối với thửa số 524, diện tích 159m²: Quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự đều xác định nguồn gốc đất diện tích 159m² này của gia đình ông Lê Đình H1 là do ông cha để lại. Đối chiếu với hiện trạng sử dụng đất của hộ ông H1 so với Bản đồ can về năm 1985 xác định diện tích hiện trạng hộ ông H1 đang sử dụng nằm một phần trong các thửa 120, 121, 122 là đất ao của hộ ông Lê Đình B1 là anh em với ông Lê Đình T3 (bố đẻ ông H1). Quá trình xác minh nguồn gốc thửa đất diện tích 159m² này của hộ ông H1 tại địa phương xác định có nguồn gốc là một phần diện tích đất ao của hộ ông Bát. Tại sơ đồ kỹ thuật thửa đất năm 2000 thể hiện thửa đất này là đất ao.

Ngày 10/12/2008, gia đình ông Lê Đình H1 kê khai diện tích 159m² cũng thể hiện là đất ao nên Quyết định số 897/QĐ-UBND ngày 14/8/2009 của UBND huyện GB về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất của gia đình ông Lê Đình H1 đối với thửa số 524, diện tích 159m², mục đích sử dụng đất ao (đất nuôi trồng thủy sản) là đúng quy định pháp luật. Bản thân gia đình ông H1 từ khi kê khai và được cấp GCNQSDĐ từ năm 2009 cũng không có khiếu nại gì về việc cấp GCNQSDĐ đất ao này. Việc ông Lê Đình H1 yêu cầu UBND huyện GB phải cấp lại thửa số 524, diện tích 159m², mục đích sử dụng đất là đất ao thành đất ở nông thôn là không có cơ sở chấp nhận.

Nay hiện trạng sử dụng đất của gia đình ông H1 đã san lấp toàn bộ, UBND huyện GB cũng xác định thửa đất này thuộc quy hoạch đất ở. Do đó, nếu gia đình ông H1 có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất từ đất ao (nay gọi là đất nuôi trồng thủy sản) thành đất ở thì phải thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật Đất đai hiện hành. Việc xác định nghĩa vụ tài chính khi cấp lại GCNQSDĐ sẽ được UBND huyện GB và cơ quan thuế xác định khi thực hiện thủ tục hành chính cấp lại GCNQSDĐ theo quy định pháp luật.

+ Đối với thửa số 559, diện tích 80m²: Quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự đều xác định nguồn gốc đất diện tích 80m² này của gia đình ông Lê Đình H1 là do cở sở thôn XL bán trái thẩm quyền năm 1992-1993. Ngày 10/12/2008 ông H1 làm đơn xin cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất này nhưng lại kê khai là đất cha ông dẫn đến không phải nộp nghĩa vụ tài chính; chưa đảm bảo quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án phía người khởi kiện và người bị kiện đều xác định khi làm thủ tục cấp GCNQSDĐ năm 2009 gia đình ông H1 không phải nộp tiền sử dụng đất. Do đó việc thu hồi GCNQSDĐ đã cấp không đúng pháp luật của gia đình ông H1 năm 2009 đối với thửa số 559, diện tích 80m² là phù hợp quy định pháp luật. Ngày 29/01/2021, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành Quyết định số 53/QĐ-STNMT về việc thu hồi GCNQSDĐ đã cấp cho hộ ông Lê Đình H1.

Về quá trình giải quyết đơn của ông Lê Đình H1: Tại kết luận số 71/KL-UBND ngày 28/9/2020 và Kết luận số 68/KL-UBND ngày 21/01/2022 của Chủ tịch UBND huyện GB về việc giải quyết đơn kiến nghị của ông Lê Đình H1 đã kiến nghị thu hồi GCNQSDĐ của hộ ông Lê Đình H1 và thực hiện việc cấp lại GCNQSDĐ theo quy định của Luật Đất đai 2013 là phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với diện tích đất ở 10m² của vợ chồng ông Lê Đình H1 mua năm 2017 không có tranh chấp nên sẽ được xem xét cấp lại GCNQSDĐ là đất ở theo quy định pháp luật khi gia đình ông Lê Đình H1 thực hiện thủ tục kê khai cấp lại GCNQSDĐ.

Đối với Quyết định số 897/QĐ-UBND ngày 14/8/2009 của UBND huyện GB về việc cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất của gia đình ông Lê Đình H1, sau đó năm 2017 khi vợ chồng ông H1 mua thêm 10m² của ông Luận, đến ngày 18/5/2017 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh BN cấp lại cho hộ ông H1 thửa đất số 685, tờ bản đồ số 05, diện tích 249m² (Đất ở 90m², đất nuôi trồng thủy sản 159m²) cho đến nay thì Quyết định số 897/QĐ-UBND ngày 14/8/2009 của UBND huyện GB về việc cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất của gia đình ông Lê Đình H1 hết hiệu lực.

Từ những phân tích trên, Tòa án sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đình H1 là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía người khởi kiện không xuất trình được tài liệu mới bảo vệ cho nội dung kháng cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm đồng tình với quan điểm của đại diện Viện

kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Lê Đình H1.

[5] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nên ông Lê Đình H1 phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Từ nhận định trên, căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện là ông Lê Đình H1; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 42/2022/HCST ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh BN.

2. Về án phí: Ông Lê Đình H1 phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, đối trừ số tiền ông H1 đã nộp tại Biên lai thu số 0000291 ngày 15/12/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh BN. Xác nhận ông H1 đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực ngay sau khi tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh BN;
- VKSND tỉnh BN;
- Cục THADS tỉnh BN;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Thị Thu Hà